

Số: *02* /BC-PCTT-TKCN **CÔNG VĂN ĐẾN** Hà Nam, ngày *04* tháng 3 năm 2015

TRUNG TÂM PHÒNG TRÁNH
VÀ GIẢM NHẸ THIÊN TAI

Số: *153*
Ngày: *03* tháng *3* năm 20*15*

BÁO CÁO

Kết quả 05 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014 tỉnh Hà Nam.

Kính gửi: Trung tâm phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai - Tổng cục Thủy lợi;

Thực hiện Công văn số 186/TCTL-GNTT ngày 09 tháng 02 năm 2015 của Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014. Văn phòng Ban chỉ huy phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn tỉnh Hà Nam báo cáo kết quả 05 thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” của tỉnh như sau:

1. Kế hoạch thực hiện đã phê duyệt.

Thực hiện Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”, ngày 19 tháng 01 năm 2010 Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đã phê duyệt Kế hoạch số 39/KH-UBND thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” của tỉnh Hà Nam đến năm 2020.

Ngày 30 tháng 8 năm 2011 Ủy ban nhân dân tỉnh đã có văn bản số 1183/UBND-NN&TNMT gửi các Sở, ban, ngành của tỉnh đề nghị các đơn vị lập danh sách giảng viên cấp tỉnh thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng” của tỉnh; Ngày 19 tháng 9 năm 2011 Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đã ra Quyết định số 1125/QĐ-UBND phê duyệt danh sách 25 cán bộ của tỉnh tham gia đào tạo thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng” của tỉnh.

Trong 3 năm 2012, 2013 và 2014 tỉnh Hà Nam đều cử cán bộ tham dự các khóa đào tạo giảng viên cấp tỉnh thực hiện Đề án do Trung tâm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai tổ chức với số lượng: năm 2012: 7 cán bộ; năm 2013: 6 cán bộ; năm 2014: 6 cán bộ.

Hàng năm, với chức năng, nhiệm vụ chuyên môn được giao, các Sở, ngành của tỉnh đã triển khai thực hiện một số nội dung: Tổ chức diễn tập công tác PCLB &

Kc Mỹ Công T/ly

TKCN với sự tham gia của lực lượng vũ trang, lực lượng xung kích hộ đê và chính quyền các địa phương trong tỉnh; Mở các lớp tập huấn kỹ thuật cho lực lượng quản lý đê, các lực lượng tham gia chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn; Thông tin, tuyên truyền Luật Đê điều, Luật Phòng, chống thiên tai, Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi..., các nguy cơ và tác hại của thiên tai cho mọi tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng để có ý thức phòng tránh.

2. Kết quả 05 thực hiện Đề án

Chi tiết tại Phụ lục 6 kèm theo.

3. Đánh giá quá trình, kết quả thực hiện.

3.1. Thuận lợi.

Ngay từ khi bắt đầu triển khai thực hiện, Đề án luôn nhận được sự quan tâm sát sao, chỉ đạo chặt chẽ của Lãnh đạo Tỉnh ủy, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và của lãnh đạo các Sở, ngành, các địa phương liên quan trong tỉnh.

Cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện Đề án của tỉnh là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, văn phòng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai-tìm kiếm cứu nạn tỉnh đã thực hiện tốt nhiệm vụ: Lập kế hoạch, kinh phí, đề xuất các giải pháp, biện pháp cần thực hiện trong các năm; Hướng dẫn kiểm tra, đôn đốc các sở - ngành, huyện, thành phố việc thực hiện Đề án.

Đội ngũ cán bộ của tỉnh được đào tạo làm giảng viên thực hiện Đề án có trình độ học vấn cao, đội ngũ cán bộ các cấp trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai nhiệt tình, trách nhiệm với công việc.

Nhân dân các địa phương chịu ảnh hưởng của thiên tai có ý thức tốt trong việc tiếp thu, vận dụng các kiến thức phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai vào thực tế cuộc sống.

3.2. Khó khăn, vướng mắc.

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, do điều kiện ngân sách của tỉnh còn khó khăn nên Ủy ban nhân dân tỉnh Hà nam đã có văn bản đề nghị Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ kinh phí, tạo điều kiện giúp tỉnh tổ chức thực hiện các nội dung trong kế hoạch các năm của đề án, nhưng do ngân sách trung ương mấy năm qua còn khó khăn nên không thể hỗ trợ các địa phương thực hiện đề án mà các địa phương phải chủ động bố trí kinh phí. Vì vậy tỉnh chưa bố trí được kinh phí để triển khai thực hiện các nội dung của đề án theo kế hoạch.

4. Đề xuất.

Hàng năm, Sở Nông nghiệp & PTNT đều xây dựng kế hoạch, kinh phí để từng bước thực hiện theo kế hoạch đề án, tuy nhiên để hoàn thành các nội dung

của kế hoạch năm 2015 và những năm tiếp theo Đề án “ Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng ” bằng nguồn ngân sách của tỉnh là vô cùng khó khăn. Sở Nông nghiệp & PTNT trân trọng đề nghị Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ Tài chính xem xét, trình Chính phủ hỗ trợ địa phương kinh phí thuộc ngân sách trung ương để tỉnh tổ chức thực hiện hiệu quả các nội dung đề án.

Văn phòng Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Hà Nam trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Minh Tân



PHỤ LỤC 6
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẤP TỈNH

Tỉnh: Hà Nội
Cán bộ thực hiện: Phạm Tiến Dũng
Ngày gửi báo cáo: 02/3/2015

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 1B	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp tỉnh ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng (liệt kê các quyết định, văn bản)	Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 19/01/2010 Quyết định số 1125/QĐ-UBND Ngày 19/9/2011		
Chỉ số 1C	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp huyện ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng (liệt kê các quyết định, văn bản)			Chưa triển khai Đề án đến cấp huyện do chưa có kinh phí
Chỉ số 2A	Số lượng tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có	Đã có		
Chỉ số 2B	Số lượng tỉnh đã có báo cáo kết quả thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có	Đã có		
Chỉ số 3	Tỉ lệ các tỉnh, huyện, xã có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có	Đã có		
	Tỷ lệ huyện có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Tỷ lệ %			Chưa triển khai Đề án đến cấp huyện

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tỷ lệ xã của tỉnh có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Tỷ lệ %			Chưa triển khai Đề án đến cấp xã do chưa có kinh phí
Chỉ số 4	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở các cấp	Số lượng	9		Chưa triển khai Đề án đến cấp huyện
		Số lượng			
		Số lượng			
	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp xã (4C)	Số lượng			Chưa triển khai Đề án đến cấp xã
Chỉ số 5A= 5A1/5A2*100%	Tỷ lệ cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng	Nam: 12		
			Nữ: 7		
		Số lượng	Nam: 25		
			Nữ: 10		
Chỉ số 5B	Tỷ lệ cán bộ cấp huyện trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %			Chưa triển khai Đề án đến cấp huyện

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 5C	Tỷ lệ cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Tỷ lệ cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Tỷ lệ %			Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 6A= 6A1/6A2*100%	Tỷ lệ tập huấn viên cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Số lượng tập huấn viên cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE (6A1)	Số lượng	Nam: 12		
				Nữ: 7		
Chỉ số 6B	Tỷ lệ tập huấn viên cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Tổng số tập huấn viên cấp tỉnh (6A2)	Số lượng	Nam: 16		
				Nữ: 9		
Chỉ số 6C	Tỷ lệ tập huấn viên cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Tỷ lệ tập huấn viên cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Tỷ lệ %			Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 6D= 6D1/6D2*100%	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Số lượng thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE (6D1)	Số lượng	Nam:		
				Nữ:		
Chỉ số 6E	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Tổng số thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh (6D2)	Số lượng	Nam:		
				Nữ:		
		Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Tỷ lệ %			Chưa triển khai Đề án

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 6F	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Tỷ lệ %			Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 6G	Tỷ lệ thành viên nhóm cộng đồng của xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Tỷ lệ thành viên nhóm cộng đồng của xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Tỷ lệ %			Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 7A= 7A1/7A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho cộng đồng hàng năm	Số lượng xã của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho cộng đồng hàng năm (7A1)	Số lượng	10	✓	
		Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (7A2)	Số lượng	39		
Chỉ số 8A	Tỷ lệ số người dân của xã được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm	Tỷ lệ số người dân của xã được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm	Tỷ lệ %	20%		
Chỉ số 9A= 9A1/9A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã triển khai diễn tập hàng năm	Số lượng xã của tỉnh đã triển khai diễn tập hàng năm (9A1)	Số lượng	6	✓	
		Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (9A2)	Số lượng	39		
Chỉ số 10A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCE do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCE do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Đã có/ Chưa có	Đã có		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 10B= 10B1/10B2*100 %	Tỷ lệ huyện đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Số lượng	6		
Chỉ số 10C= 10C1/10C2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Số lượng	6		
Chỉ số 11A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng	10		Tỉnh sử dụng tài liệu ban hành của Bộ NN&PTNT, không biên soạn lại
Chỉ số 11B= 11B1/11B2*100 %	Tỷ lệ cấp huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng	39		Các huyện của tỉnh sử dụng tài liệu ban hành của Bộ NN&PTNT, do tỉnh chuyển xuống.
Chỉ số 11C= 11C1/11C2*100 %	Tỷ lệ cấp xã đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng			Các xã của tỉnh sử dụng tài liệu ban hành của Bộ NN&PTNT, do tỉnh chuyển xuống.

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 12A= $\frac{12A1}{12A2} \times 100\%$	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng	Số lượng	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (11C2)		
Chỉ số 13A= $\frac{13A1}{13A2} \times 100\%$	Tỷ lệ xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXH của địa phương	Số lượng	Số lượng xã của tỉnh đã xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXH của địa phương (13A1)		Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 14A= $\frac{14A1}{14A2} \times 100\%$	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (13A2)		Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 14B= $\frac{14AB1}{14AB2} \times 100\%$	Tỷ lệ xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng	Số lượng xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ (14B1)		Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 15A	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Số lượng	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (14B2)		Chưa triển khai Đề án
	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Liệt kê chi tiết	Hiện sử dụng các trang thiết bị của văn phòng BCH PCTT-TKCN tỉnh chứ chưa		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			được trang bị thiết bị riêng để phục vụ công tác thực hiện Đề án.		
Chỉ số 15B	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Liệt kê chi tiết	Hiện sử dụng các trang thiết bị của phòng NN&PTNT các huyện chứ chưa được trang bị thiết bị riêng để phục vụ công tác thực hiện Đề án.		
Chỉ số 15C	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Liệt kê chi tiết			Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 16A1	Số lượng tỉnh có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai được nâng cấp hoàn chỉnh phục vụ tốt điều kiện làm việc cho cán bộ	Đã có/ Chưa có	Đã có		Văn phòng Ban chỉ huy PCTT- TKCN tỉnh Hà Nam
Chỉ số 17A= 17A1/17A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai	Số lượng			Chưa triển khai Đề án
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (17A2)	Số lượng			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 18A	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai	Tỷ lệ %			Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 19A= 19A1/19A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh có danh mục công trình quy mô nhỏ có tham vấn cộng đồng (19A1) Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (19A2)	Số lượng			Chưa triển khai Đề án
		Số lượng			
Chỉ số 20A	Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã được xây dựng trên địa bàn xã	Tỷ lệ %			Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 22A	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:		Chưa triển khai Đề án
			Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:		Chưa triển khai Đề án
			Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 22C Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam: Nữ:		Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 22D= 22D1/22D2*100 %	Tổng số giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh	Số lượng	Nam: Nữ:		
Chỉ số 22E= 22E1/22E2*100 %	Số lượng giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22D1)	Số lượng	Nam: Nữ:		Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 22F= 22F1/22F2*100 %	Tổng số giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh (22D2)	Số lượng	Nam: Nữ:		
Chỉ số 22E= 22E1/22E2*100 %	Số lượng giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22E1)	Số lượng	Nam: Nữ:		Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 22F= 22F1/22F2*100 %	Tổng số giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (22E2)	Số lượng	Nam: Nữ:		
Chỉ số 22F= 22F1/22F2*100 %	Số lượng giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22F1)	Số lượng	Nam: Nữ:		Chưa triển khai Đề án

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (22F2)	Số lượng	Nam: Nữ:		
Chỉ số 22G= $\frac{22G1}{22G2} \times 100\%$	Tỷ lệ giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam: Nữ:		Chưa triển khai Đề án
		Số lượng	Nam: Nữ:		
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng	Nam: Nữ:		Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng			Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng			Chưa triển khai Đề án

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 22A _a	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %			Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %			Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %			Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 22D= 22D1/22D2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:		Chưa triển khai Đề án
			Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22E= 22E1/22E2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:		Chưa triển khai Đề án
			Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 22F= 22F1/22F2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam: Nữ:		Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 22G= 22G1/22G2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam: Nữ:		Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCE ở cấp tỉnh	Số lượng	Nam: Nữ:		Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCE ở cấp huyện	Số lượng	Nam: Nữ:		Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCE ở cấp xã	Số lượng	Nam: Nữ:		Chưa triển khai Đề án

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo		Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)		(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 24A= $24A1/24A2*100$ %	Tỷ lệ các trường mầm non địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa.	Số lượng các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa. (24A1)		Số lượng			Chưa triển khai Đề án
		Tổng số các trường mầm non trên địa bàn tỉnh. (24A2)		Số lượng			
Chỉ số 24B= $24B1/24B2*100$ %	Tỷ lệ các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24B1)		Số lượng			Chưa triển khai Đề án
		Tổng số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh (24B2)		Số lượng			
Chỉ số 24C= $24C1/24C2*100$ %	Tỷ lệ các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24C1)		Số lượng			Chưa triển khai Đề án
		Tổng số các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh (24C2)		Số lượng			
Chỉ số 24D= $24D1/24D2*100$ %	Tỷ lệ các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24D1)		Số lượng			Chưa triển khai Đề án
		Tổng số các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh (24D2)		Số lượng			
Chỉ số 24E= $24E1/24E2*100$ %	Tỷ lệ các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào	Số lượng các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn		Số lượng			Chưa triển khai Đề án

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo		Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)		(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
	môn học chính khóa, ngoại khóa	học chính khóa, ngoại khóa (24E1) Tổng các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (24E2)					
Chỉ số 24F= 24F1/24F2*100 %	Tỷ lệ các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24F1) Tổng các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (24F2)		Số lượng			Chưa triển khai Đề án
	Tỷ lệ các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24G1) Tổng các trường đại học trên địa bàn tỉnh (24G2)		Số lượng			Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 25A	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT		Số lượng			Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 25B	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT		Số lượng			Chưa triển khai Đề án

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 25C	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng			Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 25D	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa tại trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng			Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 26A	Số lượng và tên các dự án về nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT-DVCD đã thực hiện trên địa bàn tỉnh	Số lượng (Liệt kê danh sách các dự án)			Chưa triển khai Đề án
Chỉ số 27C= $\frac{27C1}{27C2} \times 100\%$	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Số lượng	Kinh phí từ nguồn vốn ngân sách đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (27C1)		Chưa có kinh phí
		Số lượng	Tổng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách được cấp hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (27C2)		
Chỉ số 27D= $\frac{27D1}{27D2} \times 100\%$	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Số lượng	Kinh phí từ nguồn vốn ngân sách đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (27D1)		Chưa có kinh phí

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách được cấp hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (27D2)	Số lượng			
Chỉ số 27E	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %			Chưa có kinh phí
Chỉ số 27F	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ %			Chưa có kinh phí
Chỉ số 27G	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ %			Chưa có kinh phí
Chỉ số 28C= $\frac{28C1}{28C2} \times 100\%$	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Số lượng			Chưa có kinh phí
Chỉ số 28D= $\frac{28D1}{28D2} \times 100\%$	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của tỉnh thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Số lượng			Chưa có kinh phí

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 28E	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %			Chưa có kinh phí
Chỉ số 28F	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ %			Chưa có kinh phí
Chỉ số 28G	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của xã	Tỷ lệ %			Chưa có kinh phí
Chỉ số 29C= $\frac{29C1}{29C2} \times 100\%$	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Số lượng			Chưa có kinh phí
Chỉ số 29D= $\frac{29D1}{29D2} \times 100\%$	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Số lượng			Chưa có kinh phí

Chi số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp được cấp hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (29D2)	Số lượng			
Chi số 29E	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %			Chưa có kinh phí
Chi số 29F	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ %			Chưa có kinh phí
Chi số 29G	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ %			Chưa có kinh phí